

TỈNH ỦY THÁI NGUYÊN  
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

\*

Thái Nguyên, ngày 31 tháng 10 năm 2019

**ĐIỂM THI**

PHẦN IV: ĐƯỜNG LỐI, CHÍNH SÁCH CỦA ĐẢNG, NHÀ NƯỚC VIỆT NAM VỀ  
CÁC LĨNH VỰC CỦA ĐỜI SỐNG XÃ HỘI

**LỚP TCLLCT-HC HỆ TẬP TRUNG KHÓA 39, TẠI TRƯỜNG**

| STT | Họ và tên         | Số BD | Số<br>phách | Điểm<br>thi | Bảng chữ | Ghi chú |
|-----|-------------------|-------|-------------|-------------|----------|---------|
| 1   | Nguyễn Thị Anh    | 1     | 60          | 7.5         | Bảy rưỡi |         |
| 2   | Nguyễn Văn Biên   | 2     | 54          | 7.5         | Bảy rưỡi |         |
| 3   | Đoàn Văn Cường    | 3     | 62          | 7.0         | Bảy      |         |
| 4   | Nguyễn Thị Dần    | 4     | 50          | 7.5         | Bảy rưỡi |         |
| 5   | Ma Huyền Dự       | 5     | 19          | 8.0         | Tám      |         |
| 6   | Trần Văn Đại      | 6     | 29          | 7.5         | Bảy rưỡi |         |
| 7   | Vũ Xuân Đại       | 7     | 03          | 8.0         | Tám      |         |
| 8   | Trần Tiến Đại     | 8     | 22          | 7.0         | Bảy      |         |
| 9   | Phạm Thế Đức      | 9     | 15          | 7.5         | Bảy rưỡi |         |
| 10  | Ngô Văn Giang     | 10    | 59          | 7.5         | Bảy rưỡi |         |
| 11  | Đỗ Văn Giang      | 11    | 49          | 7.0         | Bảy      |         |
| 12  | Trần Thị Hào      | 12    | 46          | 7.5         | Bảy rưỡi |         |
| 13  | Trần Thị Hiền     | 13    | 25          | 7.5         | Bảy rưỡi |         |
| 14  | Dương Đức Hiếu    | 14    | 17          | 7.0         | Bảy      |         |
| 15  | Trần Thị Hoa      | 15    | 28          | 8.0         | Tám      |         |
| 16  | Nguyễn Thị Hòa    | 16    | 31          | 8.0         | Tám      |         |
| 17  | Hoàng Lê Hoan     | 17    | 12          | 7.0         | Bảy      |         |
| 18  | Phan Thị Kim Hoàn | 18    | 27          | 7.0         | Bảy      |         |
| 19  | Vi Văn Hoi        | 19    | 26          | 7.0         | Bảy      |         |
| 20  | Lê Thị Hồng       | 20    | 61          | 7.0         | Bảy      |         |
| 21  | Nguyễn Thị Huệ    | 21    | 32          | 7.5         | Bảy rưỡi |         |
| 22  | Đỗ Mạnh Hùng      | 22    | 01          | 7.5         | Bảy rưỡi |         |



| STT | Họ và tên              | Số BD | Số<br>phách | Điểm<br>thi | Bằng chữ | Ghi chú |
|-----|------------------------|-------|-------------|-------------|----------|---------|
| 23  | Phạm Xuân Hưng         | 23    | 10          | 7.5         | Bảy rưỡi |         |
| 24  | Hoàng Văn Hưng         | 24    | 43          | 7.0         | Bảy      |         |
| 25  | Phạm Thị Mai Hương     | 25    | 44          | 8.0         | Tám      |         |
| 26  | Vũ Thị Huyền           | 26    | 51          | 7.5         | Bảy rưỡi |         |
| 27  | Nguyễn Văn Huỳnh       | 27    | 47          | 8.0         | Tám      |         |
| 28  | Nguyễn Trung Kiên      | 28    | 40          | 7.5         | Bảy rưỡi |         |
| 29  | Trịnh Thị Lê           | 29    | 56          | 7.0         | Bảy      |         |
| 30  | Đoàn Thị Len           | 30    | 58          | 7.0         | Bảy      |         |
| 31  | Dương Thị Liên         | 31    | 41          | 8.0         | Tám      |         |
| 32  | Đinh Thị Thùy Linh     | 32    | 20          | 7.5         | Bảy rưỡi |         |
| 33  | Nguyễn Thị Phương Loan | 33    | 36          | 7.5         | Bảy rưỡi |         |
| 34  | Ma Đình Lương          | 34    | 09          | 7.5         | Bảy rưỡi |         |
| 35  | Phạm Thị Mai           | 35    | 39          | 8.0         | Tám      |         |
| 36  | Lê Thị Trà My          | 36    | 53          | 7.0         | Bảy      |         |
| 37  | Nông Thị Nghi          | 37    | 21          | 7.0         | Bảy      |         |
| 38  | Nguyễn Xuân Ngọc       | 38    | 14          | 7.5         | Bảy rưỡi |         |
| 39  | Nguyễn Thị Nhẫn        | 39    | 33          | 7.0         | Bảy      |         |
| 40  | Vũ Thị Nhung           | 40    | 16          | 8.0         | Tám      |         |
| 41  | Lý Thị Thu Phương      | 41    | 24          | 7.5         | Bảy rưỡi |         |
| 42  | Lâm Thanh Quyết        | 42    | 35          | 7.0         | Bảy      |         |
| 43  | Lý Thị Sinh            | 43    | 48          | 7.0         | Bảy      |         |
| 44  | Lê Văn Sơn             | 44    | 34          | 7.5         | Bảy rưỡi |         |
| 45  | Lê Văn Sỹ              | 45    | 06          | 7.0         | Bảy      |         |
| 46  | Trần Huy Thái          | 46    | 02          | 7.0         | Bảy      |         |
| 47  | Hoàng Thị Thắm         | 47    | 05          | 8.0         | Tám      |         |
| 48  | Dương Thủy Thanh       | 48    | 07          | 7.0         | Bảy      |         |
| 49  | Nguyễn Hữu Thanh       | 49    | 08          | 7.0         | Bảy      |         |
| 50  | Nông Văn Thanh         | 50    | 55          | 7.5         | Bảy rưỡi |         |
| 51  | Ma Doãn Thành          | 51    | 23          | 7.0         | Bảy      |         |
| 52  | Đặng Văn Thuật         | 52    | 42          | 7.0         | Bảy      |         |

| STT | Họ và tên               | Số BD | Số<br>phách | Điểm<br>thi | Bằng chữ | Ghi chú |
|-----|-------------------------|-------|-------------|-------------|----------|---------|
| 53  | Cao Thị Thủy            | 53    | 13          | 8.0         | Tám      |         |
| 54  | Nguyễn Đăng Huyền Trang | 54    | 37          | 8.0         | Tám      |         |
| 55  | Nguyễn Thị Thu Trang    | 55    | 57          | 7.5         | Bảy rưỡi |         |
| 56  | Nguyễn Xuân Trường      | 56    | 30          | 7.5         | Bảy rưỡi |         |
| 57  | Dương Minh Tuấn         | 57    | 11          | 8.0         | Tám      |         |
| 58  | Diệp Anh Tùng           | 58    | 38          | 7.0         | Bảy      |         |
| 59  | Trần Thị Văn            | 59    | 04          | 8.0         | Tám      |         |
| 60  | Triệu Thị Vần           | 60    | 52          | 7.5         | Bảy rưỡi |         |
| 61  | Lương Quang Vĩnh        | 61    | 45          | 7.5         | Bảy rưỡi |         |
| 62  | Hoàng Tuấn Vũ           | 62    | 18          | 7.5         | Bảy rưỡi |         |

**PHÒNG QLĐT&NCKH  
TRƯỞNG PHÒNG**



**Nguyễn Phúc Ái**

**KHOA XDD  
TRƯỞNG KHOA**



**Ngô Thị Hồng Nhung**

**KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



**Phạm Minh Chuyên**